

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2025

V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Khắc Giang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trương Văn Te

Ông Huỳnh Đức Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Đào Văn Trọng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2025, giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Lan C, sinh năm 1985

*Địa chỉ:* Ấp S, xã G, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp S, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre)

*Bị đơn:* Ông Trần Vinh H, sinh năm 1983

*Địa chỉ:* Ấp S, xã G, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp S, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre)

Bà C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông H vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Đoàn Thị Lan C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà trình bày:*

Bà và ông Trần Vinh H kết hôn vào năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã

G, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/6/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến đầu năm 2025, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi nên đã sống ly thân từ đó đến nay. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là Trần Trọng H, sinh ngày 13/5/2004, đã thành niên và Trần Trọng N, sinh ngày 08/01/2012, hiện đang sống với ông H. Bà yêu cầu ông H tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Bị đơn ông Trần Vinh H* đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời đến Tòa án tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng ông vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà C.

*Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Thị Lan C về việc ly hôn với ông Trần Vinh H. Về con chung: Giao Trần Trọng N, sinh ngày 08/01/2012 cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng, bà C không phải cấp dưỡng nuôi. Trần Trọng H, sinh ngày 13/5/2004, đã thành niên nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đoàn Thị Lan C yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông Trần Vinh H, cư trú tại ấp S, xã G, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp S, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre) là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Trần Vinh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông H là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông H kết hôn và năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/6/2003 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo bà C trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến đầu năm 2025, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi nên đã sống ly thân từ đó đến nay. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H. Xét thấy, Tòa án đã tiến hành hòa giải để bà C, ông H đoàn tụ nhưng ông H không đến tham dự các phiên hòa giải và bà C kiên quyết yêu cầu ly hôn, đã chứng tỏ ông bà không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, bà C và ông H không còn chung sống với nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà C và ông H có 02 con chung là Trần Trọng H, sinh ngày 13/5/2004, đã thành niên và Trần Trọng N, sinh ngày 08/01/2012. Bà C yêu cầu ông H tiếp tục nuôi dưỡng cháu N. Xét thấy, cháu H đã thành niên có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Cháu N đã đủ 07 tuổi, thuộc trường hợp phải lấy ý kiến con theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã ra thông báo về việc lấy ý kiến con chưa thành niên nhưng bà C và ông H không đưa con đến Tòa để lấy ý kiến theo quy định. Theo hướng dẫn tại mục 8 phần I Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thì nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên chỉ là một trong những yếu tố Tòa án phải xem xét trong quá trình giải quyết vụ án, việc quyết định giao con cho bên nào trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Mặt khác, theo quy định tại Điều 214, 217 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì việc không lấy được lời khai của con không phải là căn cứ để đình chỉ hay tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án

tiếp tục tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung mà không cần phải lấy ý kiến con chưa thành niên là phù hợp. Hiện nay, N đang sinh sống ổn định với ông H. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu N, tránh làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của cháu, cần giao cháu N cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H nuôi dưỡng cháu N nhưng ông vắng mặt, không có ý kiến về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì vậy, bà C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm: Bà C phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Lan C về việc ly hôn đối với ông Trần Vinh H.

Bà Đoàn Thị Lan C được ly hôn với ông Trần Vinh H.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Trần Trọng H, sinh ngày 13/5/2004, đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và cháu Trần Trọng N, sinh ngày 08/01/2012.

Giao cháu N cho ông Trần Vinh H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Bà Đoàn Thị Lan C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đoàn Thị Lan C được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Đoàn Thị Lan C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Lan C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 0010727 ngày 20/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng thi hành án dân sự k – Vĩnh Long).

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã G, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Khắc Giang**